

Bản án số: **32/2025/HNGĐ-ST**.

Ngày: 22 - 9 -2025.

V/v: “*ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC ST – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Châu.

Ông Nguyễn Thanh Màu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Anh Thảo là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực ST – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực ST – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực ST – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lô Thị T**, sinh ngày: 16/7/19XX; CCCD số: XXXX (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường A1, phường A2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Hoàng K**, sinh ngày: 02/3/19XX; CCCD số: XXXX (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường B1, Khóm B2, phường B3, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2025 và tại bản tự khai ngày 23/7/2025, nguyên đơn bà Lô Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lô Thị T và ông Trần Hoàng K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D1, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng có cuộc sống hòa thuận. Đến năm 2022 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi với nhau do bất đồng về quan điểm sống và tính cách khiến tình cảm hai vợ chồng không còn như trước. Do đó bà Lô Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hoàng K.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà Lô Thị T và ông Trần Hoàng K có một con chung tên Trần Thanh D (giới tính: nam) sinh ngày 17/10/20XX.

Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thanh D cho đến khi cháu D đủ tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông Trần Hoàng K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Trần Hoàng K:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Các giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông K không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

* *Ý kiến của kiểm sát viên:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện, bà Lô Thị T yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng K có nơi cư trú phường B3, thành phố Cần Thơ. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình, quan hệ pháp luật để giải quyết là “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bà Lô Thị T và ông Trần Hoàng K đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng bà Lô Thị T vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Trần Hoàng K đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Lô Thị T và ông Trần Hoàng K.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lô Thị T và ông Trần Hoàng K xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống do ông, bà không hợp nhau về tính tình, thường hay phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, không có sự đồng cảm với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn tôn trọng nhau và cũng không hòa giải được nữa, bà T và ông K đã chính thức bỏ nhau và sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông, bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T cho bà T được ly hôn với ông K.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Lô Thị T và ông Trần Hoàng K có một con chung tên Trần Thanh D (giới tính: nam), sinh ngày 17/10/20XX. Hiện nay cháu D đang sống cùng với bà T. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thanh D cho đến khi cháu D đủ tuổi trưởng thành. Để ổn định cuộc sống, việc học tập cũng như tâm lý của cháu D nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao cho bà Lô Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu D cho đến tuổi trưởng thành. Nên yêu cầu của bà T về việc giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi cháu D sau khi ly hôn là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lô Thị T không yêu cầu ông Trần Hoàng K cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Lô Thị T tự trình bày tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Lô Thị T tự trình bày không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bà Lô Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lô Thị T với ông Trần Hoàng K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thanh D (giới tính: nam), sinh ngày 17/10/20XX cho bà Lô Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con bà Lô Thị T không yêu cầu ông Trần Hoàng K cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Hoàng K được quyền thăm nom chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà không ai được quyền cản trở theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Lô Thị T tự trình bày tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Lô Thị T tự trình bày không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lô Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lô Thị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000336 ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực ST – Cần Thơ). Bà Lô Thị T đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV ST – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS KV ST – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phan Thanh Loan